

2767	27.0401.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng sóng Radio cao tần	Lần	2,913,900
2768	27.0402.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng phương pháp nhiệt	Lần	2,913,900
2769	27.0404.1196	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	Lần	2,434,500
2770	27.0405.1197	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	Lần	1,596,600
2771	27.0406.1197	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	Lần	1,596,600
2772	27.0407.1197	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	Lần	1,596,600
2773	27.0409.1197	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	Lần	1,596,600
2774	27.0410.1210	Nội soi bóc bạch mạch điều trị đái đường cấp	Lần	2,913,900
2775	27.0411.1209	Phẫu thuật nội soi nạo hạch ben 2 bên (trong ung thư dương vật)	Lần	4,343,300
2776	27.0413.0695	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	Lần	5,970,800
2777	27.0415.0490	Phẫu thuật nội soi mở vòi trứng lấy khối chứa ngoài tử cung + tạo hình vòi trứng	Lần	4,068,200
2778	27.0417.0697	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	Lần	5,395,300
2779	27.0418.1196	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	Lần	2,434,500
2780	27.0419.0702	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	Lần	7,279,100
2781	27.0420.0701	Phẫu thuật vét hạch tiểu khung qua nội soi	Lần	6,964,200
2782	27.0422.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp	Lần	5,990,300
2783	27.0423.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	Lần	5,990,300
2784	27.0424.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	Lần	5,990,300
2785	27.0425.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	Lần	5,990,300
2786	27.0427.0689	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ	Lần	5,503,300
2787	27.0428.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ	Lần	6,346,300
2788	27.0429.0690	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở người bệnh GEU	Lần	6,346,300
2789	27.0431.0689	Phẫu thuật nội soi cắt góc buồng trứng	Lần	5,503,300
2790	27.0432.0689	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên người bệnh có thai	Lần	5,503,300
2791	27.0434.0689	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	Lần	5,503,300
2792	27.0436.0690	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi	Lần	6,346,300
2793	27.0437.1197	Thông vòi tử cung qua nội soi	Lần	1,596,600
2794	27.0439.0541	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	Lần	3,602,500
2795	27.0440.0541	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	Lần	3,602,500
2796	27.0441.0541	Phẫu thuật nội soi khâu khoảng gian chóp xoay	Lần	3,602,500
2797	27.0448.0541	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	Lần	3,602,500
2798	27.0463.0541	Phẫu thuật nội soi cắt lọc sụn khớp gối	Lần	3,602,500
2799	27.0464.0541	Phẫu thuật nội soi khoan kích thích tủy	Lần	3,602,500

2800	27.0466.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân bánh chè tự thân	Lần	4,594,500
2801	27.0469.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	Lần	4,594,500
2802	27.0470.0542	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	Lần	4,594,500
2803	27.0473.1209	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối	Lần	4,343,300
2804	27.0481.0541	Phẫu thuật nội soi gỡ dính khớp gối	Lần	3,602,500
2805	27.205b.0463	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng+ nạo vét hạch	Lần	3,781,900
2806	27.208b.0459	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương đại tràng	Lần	2,815,900
2807	28.0003.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tại chỗ	Lần	3,720,600
2808	28.0004.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật lân cận	Lần	3,720,600
2809	28.0009.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2 cm	Lần	771,000
2810	28.0010.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2 cm trở lên	Lần	771,000
2811	28.0011.0583	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu dưới 2 cm	Lần	2,396,200
2812	28.0012.0582	Phẫu thuật cắt bỏ ung thư da vùng da đầu từ 2 cm trở lên	Lần	3,433,300
2813	28.0016.1136	Tạo hình khuyết da đầu bằng vật da tại chỗ	Lần	5,363,900
2814	28.0033.0773	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	Lần	1,043,500
2815	28.0035.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	813,600
2816	28.0095.0836	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2 cm)	Lần	812,100
2817	28.0096.0834	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2 cm)	Lần	1,322,100
2818	28.0108.0573	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Lần	3,720,600
2819	28.0108.0575	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Lần	3,044,900
2820	28.0110.0584	Khâu vết thương vùng môi	Lần	1,509,500
2821	28.0111.0575	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	Lần	3,044,900
2822	28.0116.0573	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tại chỗ	Lần	3,720,600
2823	28.0118.0573	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật tại chỗ	Lần	3,720,600
2824	28.0119.0573	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật lân cận	Lần	3,720,600
2825	28.0133.0587	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	Lần	439,100
2826	28.0138.0583	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	Lần	2,396,200
2827	28.0144.0578	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da tự do	Lần	5,663,200
2828	28.0155.1136	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vật tại chỗ	Lần	5,363,900
2829	28.0158.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai [gây mê]	Lần	1,385,400

2830	28.0159.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	Lần	771,000
2831	28.0161.0576	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	Lần	2,767,900
2832	28.0176.1076	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	3,493,200
2833	28.0200.0573	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
2834	28.0315.1126	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cánh tay	Lần	5,449,400
2835	28.0316.1126	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	Lần	5,449,400
2836	28.0340.0559	Nội gân duỗi	Lần	3,302,900
2837	28.0342.0559	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật [tính 1 gân]	Lần	3,302,900
2838	03.4106.0436	Nội soi đặt sonde JJ	Lần	1,920,900
2839	03.4107.0152	Nội soi tháo sonde JJ	Lần	953,800
2840	16.0061.1011	Điều trị tùy lại	Lần	987,500
2841	16.0232.1016	Điều trị tùy răng sữa [một chân]	Lần	296,100
2842	14.0177.0765	Khâu củng mạc	Lần	849,600
2843	03.1663.0769	Khâu da mi [gây tê]	Lần	897,100
2844	14.0171.0769	Khâu da mi đơn giản	Lần	897,100
2845	14.0176.0770	Khâu giác mạc [đơn thuần]	Lần	799,600
2846	14.0201.0769	Khâu kết mạc [gây tê]	Lần	897,100
2847	03.3594.0218	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	Lần	289,500
2848	10.0623.0474	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	Lần	4,970,100
2849	11.0019.1102	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	2,566,900
2850	12.0071.1038	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Lần	952,100
2851	12.0006.1044	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	Lần	771,000
2852	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Lần	178,900
2853	15.0081.0918	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]	Lần	705,900
2854	03.2613.0875	Cắt polyp ống tai [gây tê]	Lần	634,500
2855	03.2456.1044	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	Lần	771,000
2856	12.0320.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Lần	2,140,700
2857	12.0319.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Lần	2,140,700
2858	12.0091.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm [gây tê]	Lần	874,800
2859	12.0283.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Lần	3,217,800
2860	16.0220.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Lần	601,000
2861	03.2119.0505	Trích nhọt ống tai ngoài	Lần	218,500
2862	16.0197.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần	369,500
2863	03.2240.0914	Phẫu thuật nạo VA gây mê	Lần	852,900
2864	12.0322.1191	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	Lần	1,456,700
2865	10.0410.0584	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	Lần	1,509,500
2866	10.0411.0584	Cắt hẹp bao quy đầu	Lần	1,509,500
2867	10.0408.0584	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	Lần	1,509,500
2868	10.0412.0584	Mở rộng lỗ sáo	Lần	1,509,500

2869	03.2179.0870	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây mê]	Lần	1,217,100
2870	10.0313.0104	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Lần	950,500
2871	12.0007.1045	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	Lần	1,208,800
2872	12.0004.0834	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	Lần	1,322,100
2873	12.0011.1190	Cắt các u lành tuyến giáp	Lần	2,140,700
2874	12.0263.1190	Cắt nang thờng tinh một bên	Lần	2,140,700
2875	12.0321.1190	Cắt u bao gân	Lần	2,140,700
2876	03.1663.0768	Khâu da mi [gây mê]	Lần	1,595,200
2877	10.0699.0583	Khâu vết thương thành bụng	Lần	2,396,200
2878	12.0092.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây mê]	Lần	1,385,400
2879	12.0091.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm [gây mê]	Lần	1,385,400
2880	03.3901.0563	Rút đinh các loại	Lần	1,857,900
2881	10.0934.0563	Rút đinh/tháo phươg tiện kết hợp xương	Lần	1,857,900
2882	16.0198.1026	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	Lần	239,500
2883	12.0278.0655	Cắt polyp cổ tử cung	Lần	2,104,900
2884	13.0147.0597	Cắt u thành âm đạo	Lần	2,268,300
2885	03.2613.0874	Cắt polyp ống tai [gây mê]	Lần	2,122,100
2886	12.0264.1189	Cắt nang thờng tinh hai bên	Lần	3,300,700
2887	10.0552.0495	Phẫu thuật Longo	Lần	2,507,900
2888	13.0007.0671	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	2,604,800
2889	10.0386.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,490,900
2890	10.0406.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Lần	2,490,900
2891	03.2451.1049	Cắt u phần mềm vùng cổ	Lần	2,928,100
2892	12.0092.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây tê]	Lần	874,800
2893	10.0506.0459	Cắt ruột thừa đơn thuần	Lần	2,815,900
2894	10.0507.0459	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Lần	2,815,900
2895	10.0510.0459	Các phẫu thuật ruột thừa khác	Lần	2,815,900
2896	10.0547.0494	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	Lần	2,816,900
2897	13.0002.0672	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Lần	3,376,200
2898	10.0953.0571	Phẫu thuật sửa mòm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Lần	3,226,900
2899	28.0337.0559	Nối gân gấp	Lần	3,302,900
2900	28.0340.0559	Nối gân duỗi	Lần	3,302,900
2901	11.0031.1120	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	3,065,600
2902	11.0034.1120	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,065,600
2903	12.0072.1047	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	Lần	3,228,100
2904	15.0155.0958	Phẫu thuật nạo VA nội soi	Lần	3,045,800
2905	15.0134.0912	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây mê]	Lần	2,804,100
2906	12.0280.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Lần	3,217,800
2907	12.0281.0683	Cắt u nang buồng trứng	Lần	3,217,800

2908	12.0283.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Lần	3,217,800
2909	03.3590.0492	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Lần	3,512,900
2910	03.3599.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Lần	3,512,900
2911	03.3589.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	Lần	3,512,900
2912	27.0298.0485	Phẫu thuật nội soi cắt lách	Lần	4,897,800
2913	13.0070.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Lần	4,308,300
2914	10.0723.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	Lần	4,102,500
2915	10.0771.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	Lần	4,102,500
2916	10.0777.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hai mâm chày	Lần	4,102,500
2917	10.0762.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ mấu chuyển xương đùi	Lần	4,102,500
2918	10.0786.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	Lần	4,102,500
2919	10.0779.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	Lần	4,102,500
2920	10.0733.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay [nẹp vít]	Lần	4,102,500
2921	10.0775.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	Lần	4,102,500
2922	10.0776.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	Lần	4,102,500
2923	10.0778.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	Lần	4,102,500
2924	10.0746.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	Lần	4,102,500
2925	10.0764.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	Lần	4,102,500
2926	10.0765.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Lần	4,102,500
2927	10.0816.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay	Lần	4,102,500
2928	10.0821.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500
2929	10.0741.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	Lần	4,102,500
2930	10.0780.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	Lần	4,102,500
2931	10.0792.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	Lần	4,102,500
2932	10.0725.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
2933	10.0739.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	Lần	4,102,500
2934	10.0732.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	Lần	4,102,500
2935	10.0781.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	Lần	4,102,500
2936	10.0787.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên	Lần	4,102,500

2937	10.0788.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	Lần	4,102,500
2938	10.0789.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương gót	Lần	4,102,500
2939	10.0782.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Lần	4,102,500
2940	10.0820.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500
2941	10.0719.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Lần	4,102,500
2942	10.0737.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đai quay	Lần	4,102,500
2943	10.0760.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp chỏm xương đùi - trật háng	Lần	4,102,500
2944	10.0325.0421	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lần	4,569,100
2945	10.0355.0421	Lấy sỏi bàng quang	Lần	4,569,100
2946	10.0943.0534	Phẫu thuật tháo khớp chi	Lần	3,994,900
2947	15.0149.0937	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]	Lần	1,761,400
2948	10.0772.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Lần	4,324,900
2949	10.0797.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	Lần	4,324,900
2950	10.0796.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	Lần	4,324,900
2951	10.0791.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đứt bàn ngón chân	Lần	4,324,900
2952	10.0962.0574	Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm ²	Lần	4,699,100
2953	12.0195.0441	Cắt u lành thực quản	Lần	6,024,400
2954	13.0063.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Lần	6,346,300
2955	13.0064.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Lần	6,346,300
2956	27.0421.0687	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	Lần	6,548,300
2957	27.0187.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Lần	2,818,700
2958	07.0008.0360	Cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	3,620,900
2959	16.0269.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,897,900
2960	07.0007.0362	Cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	2,955,600
2961	10.0621.0472	Cắt túi mật	Lần	4,993,100
2962	13.0092.0683	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	Lần	3,217,800
2963	13.0091.0665	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	Lần	4,157,300
2964	27.0414.1196	Phẫu thuật nội soi cắt khối chữa ngoài tử cung	Lần	2,434,500
2965	10.0557.0494	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	lần	2,816,900
2966	13.0071.0679	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Lần	3,628,800
2967	10.0983.0551	Phẫu thuật vết thương khớp	lần	3,011,900
2968	16.0278.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,197,900
2969	13.0080.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	lần	5,503,300
2970	27.0083.0452	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	lần	3,663,800
2971	07.0011.0357	Cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	lần	4,561,600

2972	15.0035.0971	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	lần	3,209,900
2973	10.0152.0410	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	Lần	1,925,900
2974	28.0162.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	Lần	2,767,900
2975	15.0046.0872	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	Lần	580,400
2976	10.0862.0571	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón	Lần	3,226,900
2977	10.0687.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Lần	3,512,900
2978	10.0518.0454	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	Lần	4,941,100
2979	27.0142.0451	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	Lần	3,136,900
2980	13.0150.0724	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	Lần	1,754,800
2981	13.0073.0702	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	7,279,100
2982	10.0463.0465	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	Lần	3,993,400
2983	12.0070.1039	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	Lần	521,000
2984	10.0480.0465	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	Lần	3,993,400
2985	10.0640.0486	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	Lần	4,955,100
2986	10.0608.0471	Cầm máu nhu mô gan	Lần	5,861,600
2987	13.0068.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	4,308,300
2988	13.0081.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	Lần	5,503,300
2989	16.0275.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,636,500
2990	16.0202.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	Lần	398,600
2991	16.0201.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	Lần	398,600
2992	16.0200.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	Lần	398,600
2993	16.0199.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	Lần	398,600
2994	13.0063.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Lần	6,346,300
2995	03.3601.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Lần	2,490,900
2996	10.0673.0484	Cắt lách do chấn thương	Lần	4,943,100
2997	12.0086.1060	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	3,397,900
2998	03.1076.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần	1,345,000
2999	27.0223.0457	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng móm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	Lần	4,663,800
3000	27.0347.0420	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	Lần	4,596,000
3001	15.0166.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	Lần	3,180,600
3002	27.0349.0420	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	Lần	4,596,000
3003	27.0350.0420	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	Lần	4,596,000
3004	10.0487.0458	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	Lần	5,100,100
3005	14.0187.0789	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây tê]	Lần	698,800

3006	14.0187.0791	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê]	Lần	935,200
3007	14.0187.0792	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây tê]	Lần	1,188,600
3008	14.0187.0795	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê]	Lần	1,387,000
3009	12.0089.0945	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	Lần	4,944,000
3010	16.0247.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	Lần	3,297,900
3011	16.0248.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
3012	16.0250.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	Lần	3,297,900
3013	16.0251.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
3014	16.0253.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	Lần	3,297,900
3015	16.0254.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
3016	16.0268.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	Lần	2,897,900
3017	16.0271.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	Lần	2,636,500
3018	16.0272.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,636,500
3019	16.0277.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	3,197,900
3020	27.0398.0423	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	Lần	3,279,000
3021	10.0954.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Lần	2,767,900
3022	15.0078.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	Lần	3,180,600
3023	10.0350.0434	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Lần	4,621,100
3024	27.0365.0418	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	Lần	4,497,100
3025	10.0567.0584	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	Lần	1,509,500
3026	15.0124.0951	Phẫu thuật kết hợp xương trong chấn thương sọ mặt	Lần	5,657,000
3027	10.0955.0577	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Lần	5,204,600
3028	03.3754.0556	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	Lần	4,102,500
3029	14.0083.0836	Cắt u da mi không ghép	Lần	812,100
3030	10.0002.0386	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	Lần	5,966,400
3031	03.3313.0455	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột	Lần	2,705,700
3032	10.0407.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Lần	2,490,900
3033	03.3370.0494	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	Lần	2,816,900
3034	10.0514.0454	Cắt đoạn đại tràng nối ngay	Lần	4,941,100
3035	16.0216.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Lần	344,200
3036	03.2044.1081	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	Lần	3,078,100
3037	03.1815.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Lần	344,200
3038	12.0161.0875	Cắt polyp ống tai [gây tê]	Lần	634,500
3039	10.0306.0421	Lấy sỏi san hô thận	Lần	4,569,100
3040	10.0683.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Lần	3,512,900
3041	10.0684.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Lần	3,512,900

3042	15.0154.0914	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	Lần	852,900
3043	15.0331.1049	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	Lần	2,928,100
3044	01.0073.0120	Mở khí quản thường quy	Lần	759,800
3045	16.0323.1081	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	Lần	3,078,100
3046	10.0481.0455	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	Lần	2,705,700
3047	14.0106.0769	Đóng lỗ rò đường lệ [gây tê]	Lần	897,100
3048	28.0168.1076	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má và ống tuyến nước bọt	Lần	3,493,200
3049	10.0499.0465	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên	Lần	3,993,400
3050	10.0500.0465	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên	Lần	3,993,400
3051	27.0191.0451	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	Lần	3,136,900
3052	27.0385.0426	Nội soi bàng quang cắt u	Lần	5,030,900
3053	10.0832.0344	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	Lần	2,698,800
3054	27.0214.0457	Phẫu thuật nội soi đóng hậu môn nhân tạo	Lần	4,663,800
3055	14.0165.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Lần	960,200
3056	01.0071.0120	Mở khí quản cấp cứu	Lần	759,800
3057	03.1664.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	813,600
3058	03.1665.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Lần	1,043,500
3059	03.1800.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần	369,500
3060	03.1809.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Lần	601,000
3061	14.0172.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	813,600
3062	14.0174.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Lần	1,043,500
3063	16.0291.1065	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	Lần	4,733,900
3064	07.0037.0363	Cắt u tuyến thượng thận 2 bên	Lần	6,026,400
3065	07.0029.0363	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	Lần	6,026,400
3066	07.0022.0363	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	Lần	6,026,400
3067	07.0021.0363	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	Lần	6,026,400
3068	10.0008.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	Lần	5,669,600
3069	10.0150.0344	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên	Lần	2,698,800
3070	10.0001.0577	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Lần	5,204,600
3071	10.0169.0401	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu	Lần	13,594,200
3072	10.0170.0401	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn	Lần	13,594,200
3073	10.0171.0581	Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	Lần	5,712,200
3074	10.0168.0393	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh	Lần	16,155,000

3075	10.0155.0404	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	Lần	14,778,300
3076	10.0157.0580	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương khí quản cổ	Lần	12,568,600
3077	10.0165.0393	Phẫu thuật điều trị vỡ eo động mạch chủ	Lần	16,155,000
3078	10.0173.0581	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	Lần	5,712,200
3079	10.0309.0421	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	Lần	4,569,100
3080	10.0302.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Lần	4,703,100
3081	10.0296.0415	Ghép thận tự thân trong cấp cứu do chấn thương cuống thận	Lần	7,137,900
3082	10.0297.0581	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/có C.Arm	Lần	5,712,200
3083	10.0298.0581	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/laser	Lần	5,712,200
3084	10.0316.0581	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	Lần	5,712,200
3085	10.0322.0416	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	Lần	4,703,100
3086	10.0332.0422	Tạo hình niệu quản bằng đoạn ruột	Lần	6,374,200
3087	10.0345.0424	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	Lần	5,887,300
3088	10.0337.0424	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	Lần	5,887,300
3089	10.0366.0581	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt	Lần	5,712,200
3090	10.0365.0423	Phẫu thuật cắt dị tật hậu môn - trực tràng, làm lại niệu đạo	Lần	3,279,000
3091	10.0373.0434	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	Lần	4,621,100
3092	10.0387.0581	Phẫu thuật tạo hình điều trị dị tật lộ bàng quang bẩm sinh	Lần	5,712,200
3093	10.0384.0437	Tạo hình dương vật do lệch lạc phái tính do gien	Lần	4,700,900
3094	10.0429.0442	Cắt đoạn thực quản, dẫn lưu hai đầu ra ngoài	Lần	8,225,300
3095	10.0430.0442	Cắt nối thực quản	Lần	8,225,300
3096	10.0431.0442	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực	Lần	8,225,300
3097	10.0432.0442	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ	Lần	8,225,300
3098	10.0423.0465	Đóng rò thực quản	Lần	3,993,400
3099	10.0424.0465	Đóng lỗ rò thực quản - khí quản	Lần	3,993,400
3100	10.0458.0449	Cắt lại dạ dày	Lần	8,208,300
3101	10.0461.0488	Nạo vét hạch D3	Lần	4,287,100
3102	10.0462.0488	Nạo vét hạch D4	Lần	4,287,100
3103	10.0477.0482	Cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng	Lần	11,801,200
3104	10.0474.0458	Cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	Lần	5,100,100
3105	10.0490.0458	Cắt nhiều đoạn ruột non	Lần	5,100,100
3106	10.0521.0454	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực tràng	Lần	4,941,100

3107	10.0522.0454	Cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	Lần	4,941,100
3108	10.0523.0454	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	Lần	4,941,100
3109	10.0503.0458	Cắt toàn bộ ruột non	Lần	5,100,100
3110	10.0501.0465	Bắc cầu động mạch mạc treo tràng trên bằng đoạn tĩnh mạch hiển hoặc đoạn mạch nhân tạo	Lần	3,993,400
3111	10.0502.0465	Cắt đoạn động mạch mạc treo tràng trên, nối động mạch trực tiếp	Lần	3,993,400
3112	10.0529.0454	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp	Lần	4,941,100
3113	10.0530.0454	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn	Lần	4,941,100
3114	10.0531.0454	Cắt đoạn trực tràng, cơ thắt trong bảo tồn cơ thắt ngoài đường tăng sinh môn	Lần	4,941,100
3115	10.0532.0460	Cắt cụt trực tràng đường bụng, tăng sinh môn	Lần	7,639,200
3116	10.0595.0466	Cắt nhiều hạ phân thùy	Lần	9,075,300
3117	10.0596.0466	Cắt gan hình chêm, nối gan ruột	Lần	9,075,300
3118	10.0576.0466	Cắt gan phải	Lần	9,075,300
3119	10.0577.0466	Cắt gan trái	Lần	9,075,300
3120	12.0327.0534	Tháo khớp cổ tay do ung thư	Lần	3,994,900
3121	12.0328.0534	Cắt cụt cánh tay do ung thư	Lần	3,994,900
3122	03.3803.0559	Nối gân gấp	Lần	3,302,900
3123	03.3760.0556	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	Lần	4,102,500
3124	03.3744.0556	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	Lần	4,102,500
3125	03.3675.0556	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Lần	4,102,500
3126	03.3665.0556	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
3127	03.3607.0435	Cắt bỏ tĩnh hoàn	Lần	2,490,900
3128	03.3593.0603	Trích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	Lần	885,400
3129	03.3587.0435	Phẫu thuật hạ lại tĩnh hoàn	Lần	2,490,900
3130	12.0045.1049	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Lần	2,928,100
3131	03.2512.1049	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Lần	2,928,100
3132	03.2177.0965	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	Lần	3,340,900
3133	16.0295.0576	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	Lần	2,767,900
3134	16.0336.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Lần	1,832,000
3135	03.2067.1043	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Lần	1,051,700
3136	16.0306.1043	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Lần	1,051,700
3137	07.0035.0363	Cắt bỏ tuyến thượng thận 2 bên	Lần	6,026,400
3138	10.0336.0423	Phẫu thuật mở rộng bàng quang bằng đoạn hồi tràng	Lần	3,279,000
3139	10.0358.0424	Cắt bàng quan toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	Lần	5,887,300
3140	03.2055.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Lần	1,832,000

3141	07.0036.0357	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,561,600
3142	07.0034.0357	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,561,600
3143	07.0033.0357	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức	Lần	4,561,600
3144	07.0032.0357	Cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mạn tính	Lần	4,561,600
3145	07.0031.0357	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	Lần	4,561,600
3146	07.0023.0488	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật	Lần	4,287,100
3147	07.0017.0357	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong basedow	Lần	4,561,600
3148	07.0012.0357	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,561,600
3149	07.0019.0357	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	4,561,600
3150	10.0148.0344	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	Lần	2,698,800
3151	10.0149.0344	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	Lần	2,698,800
3152	10.0005.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	Lần	5,669,600
3153	10.0010.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	Lần	5,669,600
3154	10.0151.1044	Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính dưới 5 cm]	Lần	771,000
3155	10.0130.0582	Phẫu thuật điều trị giảm đau trong ung thư	Lần	3,433,300
3156	10.0015.0370	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)	Lần	5,669,600
3157	10.0167.0582	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	Lần	3,433,300
3158	10.0153.0414	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	Lần	7,381,300
3159	10.0154.0414	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	Lần	7,381,300
3160	10.0159.0411	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	Lần	7,392,200
3161	10.0163.0411	Phẫu thuật điều trị màng sườn di động	Lần	7,392,200
3162	10.0293.0411	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi	Lần	7,392,200
3163	10.0172.0582	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	Lần	3,433,300
3164	10.0292.0411	Phẫu thuật lấy dị vật phổi - màng phổi	Lần	7,392,200
3165	10.0299.0421	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	Lần	4,569,100
3166	10.0300.0455	Bóc bạch mạch quanh thận, điều trị bệnh đái đường cấp	Lần	2,705,700
3167	10.0305.0710	Phẫu thuật treo thận	Lần	3,131,800
3168	10.0314.0416	Cắt eo thận móng ngựa	Lần	4,703,100
3169	10.0315.0582	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	Lần	3,433,300
3170	10.0301.0416	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	Lần	4,703,100
3171	10.0304.0416	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	Lần	4,703,100